

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido
(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido
(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 38

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lê Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Cao Thuận	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên	
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lê Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành. Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập ở trên để ở trên có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60752643/17794978

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập ở trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.939.129.895.017	3.614.796.986.253
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.115.564.192.418	2.187.452.484.159
111	1. Tiền		85.564.192.418	403.170.484.159
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.030.000.000.000	1.784.282.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	1.908.683.477.301	700.001.268.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.949.434.564	4.526.063
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(265.957.263)	(3.257.263)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.905.000.000.000	700.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	864.990.622.028	697.583.591.623
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		199.257.732.702	151.270.120.713
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.987.502.967	6.714.873.610
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		678.506.755.353	542.632.370.513
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.761.368.994)	(11.033.773.213)
140	IV. Hàng tồn kho	6	12.684.808.273	13.452.740.885
141	1. Hàng tồn kho		12.684.808.273	13.709.377.365
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(256.636.480)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		37.206.794.997	16.306.900.786
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.061.457.970	4.832.282.926
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		35.660.617.618	11.392.501.955
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		484.719.409	82.115.905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.490.545.203.145	3.603.617.292.422
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	24.969.729.602	33.461.046.522
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		19.604.707.562	20.754.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		5.365.022.040	12.706.338.960
220	II. Tài sản cố định		71.656.728.325	63.195.514.217
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	47.488.627.779	39.312.909.466
222	Nguyên giá		72.813.331.459	62.750.616.006
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.324.703.680)	(23.437.706.540)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	24.168.100.546	23.882.604.751
228	Nguyên giá		39.554.559.141	35.333.059.141
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.386.458.595)	(11.450.454.390)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	9.360.438.730
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	9.360.438.730
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	2.359.893.915.084	3.467.872.279.984
251	1. Đầu tư vào các công ty con		645.231.021.500	1.987.726.680.000
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		1.722.731.684.852	1.471.505.599.984
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.367.000.000	8.640.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12.435.791.268)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		34.024.830.134	29.728.012.969
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.938.661.531	7.712.613.588
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	24.3	27.086.168.603	22.015.399.381
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.429.675.098.162	7.218.414.278.675

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido
(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.245.997.048.946	1.203.146.349.154
310	I. Nợ ngắn hạn		1.242.016.504.846	1.189.753.464.502
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	105.931.679.085	242.340.233.615
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		596.804.850	5.950.630.170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	849.343.280.417	7.217.249.969
314	4. Phải trả người lao động		4.734.330.792	18.094.319.326
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	84.398.887.864	125.264.623.644
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		742.424.242	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	127.022.383.680	435.905.752.102
320	8. Vay ngắn hạn	15	53.755.338.076	326.230.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.491.375.840	28.750.655.676
330	II. Nợ dài hạn		3.980.544.100	13.392.884.652
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		3.980.544.100	13.392.884.652
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.183.678.049.216	6.015.267.929.521
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	5.183.678.049.216	6.015.267.929.521
411	1. Vốn cổ phần		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.192.083.261.700	3.192.083.261.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.958.647.136.362)	(805.820.383.200)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.162.916.267	51.162.916.267
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	16.135.952.841
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.316.409.084.770	995.172.211.913
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	442.781.757.884
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.316.409.084.770	552.390.454.029
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.429.675.098.162	7.218.414.278.675

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido
(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	480.906.123.511	2.794.011.536.985
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(13.288.702.833)	(82.181.849.885)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	17.1	467.617.420.678	2.711.829.687.100
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(433.741.795.418)	(2.251.182.080.745)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		33.875.625.260	460.647.606.355
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	6.991.842.786.459	676.079.432.934
22	7. Chi phí tài chính	19	(131.627.508.082)	(20.952.391.156)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(12.279.274.278)	(17.429.016.433)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(145.546.035.750)	(385.695.494.477)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(134.135.960.370)	(196.508.489.446)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.614.408.907.517	533.570.664.210
31	11. Thu nhập khác	22	8.627.117.635	35.531.100.148
32	12. Chi phí khác	22	(5.234.794.172)	(1.710.766.382)
40	13. Lợi nhuận khác	22	3.392.323.463	33.820.333.766
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.617.801.230.980	567.390.997.976
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(1.352.389.166.345)	(9.871.126.505)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	24.1	5.070.769.222	(5.129.417.442)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		5.270.482.833.857	552.390.454.029

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.617.801.230.980	567.390.997.976
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	12.321.108.003	13.749.943.213
03	Các khoản dự phòng		14.757.110.017	451.947.336
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(50.285.265)	273.883.339
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.909.632.663.660)	(680.493.807.580)
06	Chi phí lãi vay	19	12.279.274.278	17.429.016.433
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(252.524.225.647)	(81.198.019.283)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(88.072.800.377)	18.114.537.171
10	Giảm hàng tồn kho		1.270.717.608	50.190.402.213
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(282.000.440.065)	802.217.955.592
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		5.743.177.544	(5.280.764.465)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(3.944.908.501)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.307.641.052)	(17.836.791.522)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.510.126.058)	(12.219.949.353)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.121.279.836)	(15.520.872.595)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(664.467.526.384)	738.466.497.758
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(18.429.799.783)	(21.507.463.791)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		6.064.951.735	17.864.559.217
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(1.935.000.000.000)	(986.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		730.000.000.000	321.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(98.191.820.683)	(1.584.294.168.077)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.456.146.325.159	703.468.965.000
	Thuế TNDN đã nộp trên lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào công ty con		(500.000.000.000)	-
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		410.486.100.066	484.291.461.568
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		6.051.075.756.494	(1.064.476.646.083)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido
(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)


B03-DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.820.236.643.412
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(1.322.183.110.162)	(483.843.631.000)
33	Tiền vay nhận được	15	1.242.934.495.037	276.460.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(1.444.249.156.961)	(500.141.976.291)
36	Cổ tức đã trả	16.4	(4.935.049.035.030)	(378.608.409.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(6.458.546.807.116)	734.102.626.921
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(1.071.938.577.006)	408.092.478.596
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	2.187.452.484.159	1.779.052.664.793
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		50.285.265	307.340.770
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.115.564.192.418	2.187.452.484.159


Trần Minh Nguyệt
Người lập


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng


Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 102 (31 tháng 12 năm 2014 là: 1.301).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 28.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	731.557	62.369.668
Tiền gửi ngân hàng	85.563.460.861	401.577.114.491
Tiền đang chuyển	-	1.531.000.000
Các khoản tương đương tiền	<u>1.030.000.000.000</u>	<u>1.784.282.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.115.564.192.418</u>	<u>2.187.452.484.159</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 5,3% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	199.257.732.702	151.270.120.713
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	198.965.424.024	90.050.824.055
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	292.308.678	61.219.296.658
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.987.502.967	6.714.873.610
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	62.188.896	5.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.925.314.071	1.714.873.610
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	678.506.755.353	542.632.370.513
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	108.322.961.474	7.156.521.210
<i>Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex (*)</i>	473.750.573.417	467.750.573.417
<i>Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư</i>	62.685.833.794	29.604.096.321
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	27.793.194.444	28.713.004.976
<i>Phải thu khác</i>	5.954.192.224	9.408.174.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(22.761.368.994)	(11.033.773.213)
GIÁ TRỊ THUẬN	864.990.622.028	697.583.591.623

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận kế hoạch mua thêm cổ phần của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam ("Vocarimex") để tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex lên trên 51%. Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền tạm ứng cho việc mua thêm cổ phần của Vocarimex như kế hoạch đã trình bày. Chi tiết như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	187.635.222.000	187.635.222.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	134.743.665.932	134.743.665.932
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	110.107.200.000	110.107.200.000
Khác	41.264.485.485	35.264.485.485
TỔNG CỘNG	473.750.573.417	467.750.573.417

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.033.773.213	9.822.516.493
Dự phòng trích lập trong năm	18.292.158.022	3.033.773.213
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(6.564.562.241)	(1.822.516.493)
Số cuối năm	22.761.368.994	11.033.773.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	9.855.800.464	1.257.942.580
Công cụ, dụng cụ	690.839.847	1.479.414.914
Hàng mua đang đi trên đường	2.138.167.962	3.050.187.875
Hàng gửi đi bán	-	7.921.831.996
TỔNG CỘNG	12.684.808.273	13.709.377.365
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(256.636.480)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.684.808.273	13.452.740.885

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	256.636.480	1.015.945.864
Dự phòng trích lập trong năm	-	256.636.480
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(256.636.480)	(1.015.945.864)
Số cuối năm	-	256.636.480

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	19.604.707.562	20.754.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	5.365.022.040	12.706.338.960
TỔNG CỘNG	24.969.729.602	33.461.046.522

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.830.588.944	502.804.975	54.930.885.596	4.486.336.491	62.750.616.006
Mua mới trong năm	-	-	11.665.116.182	8.750.677.002	20.415.793.184
Sáp nhập công ty con	522.808.000	150.218.308	-	-	673.026.308
Thanh lý	-	(241.533.324)	(7.927.731.711)	(2.856.839.004)	(11.026.104.039)
Số cuối năm	<u>3.353.396.944</u>	<u>411.489.959</u>	<u>58.668.270.067</u>	<u>10.380.174.489</u>	<u>72.813.331.459</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	66.517.354	4.190.915.339	334.876.578	4.592.309.271
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	1.250.176.783	418.168.405	20.427.575.758	1.341.785.594	23.437.706.540
Khấu hao trong năm	341.148.673	71.914.248	6.336.600.030	1.584.663.069	8.334.326.020
Thanh lý	-	(182.033.333)	(5.418.132.098)	(847.163.449)	(6.447.328.880)
Số cuối năm	<u>1.591.325.456</u>	<u>308.049.320</u>	<u>21.346.043.690</u>	<u>2.079.285.214</u>	<u>25.324.703.680</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>1.580.412.161</u>	<u>84.636.570</u>	<u>34.503.309.838</u>	<u>3.144.550.897</u>	<u>39.312.909.466</u>
Số cuối năm	<u>1.762.071.488</u>	<u>103.440.639</u>	<u>37.322.226.377</u>	<u>8.300.889.275</u>	<u>47.488.627.779</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	35.333.059.141
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.620.000.000
Mua mới	58.500.000
Thanh lý	<u>(457.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>39.554.559.141</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>30.900.000</i>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	11.450.454.390
Hao mòn trong năm	3.986.781.983
Thanh lý	<u>(50.777.778)</u>
Số cuối năm	<u>15.386.458.595</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>23.882.604.751</u>
Số cuối năm	<u>24.168.100.546</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

10.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		3.683.477.301		1.268.800
Cổ phiếu niêm yết	123.089	3.949.434.564	89	4.526.063
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(265.957.263)		(3.257.263)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi ngắn hạn		1.905.000.000.000		700.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		1.905.000.000.000		-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		-		700.000.000.000
TỔNG CỘNG		<u>1.908.683.477.301</u>		<u>700.001.268.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (i)	645.231.021.500	1.987.726.680.000
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (ii)	1.722.731.684.852	1.471.505.599.984
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	4.367.000.000	8.640.000.000
TỔNG CỘNG	2.372.329.706.352	3.467.872.279.984
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(12.435.791.268)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	2.359.893.915.084	3.467.872.279.984

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH Tân An Phước	362.500.000.000	80,00	362.500.000.000	80,00
Công ty TNHH Một thành viên Kido	247.559.771.500	100,00	247.559.771.500	100,00
Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm Kido	30.000.000.000	100,00	-	-
Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội	5.171.250.000	75,73	-	-
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	-	-	1.255.125.520.000	99,92
Công ty Cổ phần Vinabico	-	-	122.541.388.500	100,00
TỔNG CỘNG	645.231.021.500		1.987.726.680.000	

Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309403269 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. Hoạt động chính của TAP là kinh doanh bất động sản.

Công ty TNHH Một thành viên Kido ("KIDO") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm Kido ("KDF") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính của công ty KDF là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã mua 100% vốn chủ sở hữu tại KDF từ KIDO.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội ("HTIC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của HTIC là kinh doanh thương mại các loại đồ ăn và thức uống. Vào ngày 15 tháng 5 năm 2015, Công ty đã mua 75,73% vốn cổ phần tại HTIC từ Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	1.050.000.000.000	50,00	1.050.000.000.000	50,00
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	421.505.599.984	24,00	421.505.599.984	24,00
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	251.226.084.868	20,00	-	-
TỔNG CỘNG	1.722.731.684.852		1.471.505.599.984	

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex"), trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.

Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam ("MKD"), trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4603000129 do SKHĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004. Hoạt động chính của MKD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty TNHH Truyền thông WPP	42.143.562.686	-
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	18.607.781.241	208.595.461.182
Phải trả người bán ngắn hạn khác	45.180.335.158	33.744.772.433
TỔNG CỘNG	105.931.679.085	242.340.233.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND				
	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Sáp nhập công ty con	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	4.721.240.021	1.352.389.166.345	(508.510.126.058)	(213.820.608)	848.386.459.700
Thuế thu nhập cá nhân	2.496.009.948	81.434.286.977	(82.973.476.208)	-	956.820.717
TỔNG CỘNG	7.217.249.969	1.433.823.453.322	(591.483.602.266)	(213.820.608)	849.343.280.417

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế do thay đổi mục đích sử dụng đất	34.594.000.000	34.594.000.000
Chi phí tiếp thị	32.177.938.337	38.937.920.841
Phí tư vấn tái cấu trúc	8.435.661.617	-
Lương tháng 13 và thưởng	6.712.164.896	10.375.380.715
Chi phí vận chuyển	404.222.881	19.019.689.546
Hoa hồng bán hàng	-	15.019.625.647
Chi phí phải trả khác	2.074.900.133	7.318.006.895
TỔNG CỘNG	84.398.887.864	125.264.623.644

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	117.977.411.879	260.442.754.193
Cổ tức phải trả	5.168.100.050	1.833.174.080
Phải trả cho việc mua cổ phiếu quỹ	-	169.356.357.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.876.871.751	4.273.466.829
TỔNG CỘNG	127.022.383.680	435.905.752.102

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Sáp nhập công ty con	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	<u>326.230.000.000</u>	<u>1.242.934.495.037</u>	<u>(1.444.249.156.961)</u>	<u>(71.160.000.000)</u>	<u>53.755.338.076</u>

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số dư cuối năm được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	38.674.962.436	5 tháng kể từ ngày rút vốn	6,00
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	10.588.647.960	3 tháng kể từ ngày rút vốn	4,90
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	<u>4.491.727.680</u>	6 tháng kể từ ngày rút vốn	6,00
TỔNG CỘNG	<u>53.755.338.076</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>								
Năm trước								
Số đầu năm	1.676.282.700.000	2.262.097.888.288	(152.620.395.200)	25.370.280.515	25.792.635.752	16.135.952.841	836.457.785.884	4.689.516.848.080
Phát hành cổ phiếu cho công nhân viên	65.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-	-	-	117.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	400.000.000.000	1.303.236.643.412	-	-	-	-	-	1.703.236.643.412
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	425.251.270.000	(425.251.270.000)	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(653.199.988.000)	-	-	-	-	(653.199.988.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	552.390.454.029	552.390.454.029
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(378.772.028.000)	(378.772.028.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(9.976.000.000)	(9.976.000.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(4.928.000.000)	(4.928.000.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(805.820.383.200)	25.370.280.515	25.792.635.752	16.135.952.841	995.172.211.913	6.015.267.929.521
Năm nay								
Số đầu năm (trình bày trước đây)	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(805.820.383.200)	25.370.280.515	25.792.635.752	16.135.952.841	995.172.211.913	6.015.267.929.521
Trình bày lại (Thuyết minh số 28)	-	-	-	25.792.635.752	(25.792.635.752)	-	-	-
Số đầu năm (được trình bày lại)	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(805.820.383.200)	51.162.916.267	-	16.135.952.841	995.172.211.913	6.015.267.929.521
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.152.826.753.162)	-	-	-	-	(1.152.826.753.162)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	5.270.482.833.857	5.270.482.833.857
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(4.938.383.961.000)	(4.938.383.961.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(10.862.000.000)	(10.862.000.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.958.647.136.362)	51.162.916.267	-	16.135.952.841	1.316.409.084.770	5.183.678.049.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Vốn đầu năm	2.566.533.970.000	1.676.282.700.000
Vốn tăng trong năm	-	890.251.270.000
Vốn cuối năm	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000

16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ	(50.992.256)	(14.468.208)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.141	242.185.189

16.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	4.938.383.961.000	378.772.028.000
Cổ tức năm 2014: 1.000 VND/cổ phiếu		
(2013: 1.000 VND/cổ phiếu)	235.161.141.000	378.772.028.000
Cổ tức đặc biệt: 20.000 VND/cổ phiếu	4.703.222.820.000	-
Cổ tức đã trả trong năm	4.935.049.035.030	378.608.409.200

Theo Nghị quyết ĐHCĐBT ngày 12 tháng 3 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đặc biệt bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 200% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 788/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận kế hoạch chi trả cổ tức này vào ngày 21 tháng 8 năm 2015.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã hoàn tất việc nộp Báo cáo về việc chi trả cổ tức nêu trên cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng hóa	480.906.123.511	2.794.011.536.985
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	472.180.531.332	396.876.566.468
<i>Các bên khác</i>	8.725.592.179	2.397.134.970.517
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.288.702.833)	(82.181.849.885)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(8.239.349.424)	(40.375.998.636)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(5.049.353.409)	(41.805.851.249)
DOANH THU THUẦN	<u>467.617.420.678</u>	<u>2.711.829.687.100</u>

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	6.414.095.812.280	1.140.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	398.305.484.851	539.216.991.129
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	174.625.283.979	133.464.796.273
Khác	4.816.205.349	2.257.645.532
TỔNG CỘNG	<u>6.991.842.786.459</u>	<u>676.079.432.934</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	433.588.755.334	2.250.268.711.137
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(256.636.480)	(759.309.384)
Các khoản khác	409.676.564	1.672.678.992
TỔNG CỘNG	<u>433.741.795.418</u>	<u>2.251.182.080.745</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí tư vấn tài chính	51.609.786.406	-
Lỗ từ sáp nhập công ty con	43.878.726.766	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.698.491.268	-
Lãi tiền vay	12.279.274.278	17.429.016.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.062.937.619	3.093.070.474
Chi phí tài chính khác	2.098.291.745	430.304.249
TỔNG CỘNG	<u>131.627.508.082</u>	<u>20.952.391.156</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Quảng cáo và khuyến mãi	109.453.274.763	38.844.346.222
Lương nhân viên	7.566.282.340	140.770.250.510
Chi phí mua ngoài	3.068.896.339	109.900.694.354
Khác	25.457.582.308	96.180.203.391
TỔNG CỘNG	<u>145.546.035.750</u>	<u>385.695.494.477</u>

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ mua ngoài	39.408.729.788	47.371.050.480
Lương nhân viên	33.647.074.293	85.322.978.200
Phí thuê và bảo trì	22.450.681.312	40.703.904.558
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	18.292.158.022	1.211.256.720
Khấu hao và hao mòn	12.199.539.589	12.752.842.261
Khác	8.137.777.366	9.146.457.227
TỔNG CỘNG	<u>134.135.960.370</u>	<u>196.508.489.446</u>

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	8.627.117.635	35.531.100.148
Thu nhập từ cho thuê	5.089.311.088	10.704.239.767
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.990.598.859	6.672.020.178
Thu nhập từ phí quản lý	-	11.180.000.000
Thu nhập khác	1.547.207.688	6.974.840.203
Chi phí khác	(5.234.794.172)	(1.710.766.382)
Tiền phạt	(4.184.112.050)	-
Chi phí khác	(1.050.682.122)	(1.710.766.382)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>3.392.323.463</u>	<u>33.820.333.766</u>

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	433.998.431.898	2.251.941.390.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.561.268.052	229.859.991.556
Chi phí nhân công	40.576.128.356	197.303.802.409
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	12.321.108.003	13.554.780.713
Chi phí khác	61.966.855.229	140.726.099.861
TỔNG CỘNG	<u>713.423.791.538</u>	<u>2.833.386.064.668</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm 2015, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 22% thu nhập chịu thuế (2014: 22%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.352.389.166.345	9.871.126.505
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(5.070.769.222)</u>	<u>5.129.417.442</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.347.318.397.123</u>	<u>15.000.543.947</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.617.801.230.980	567.390.997.976
Các điều chỉnh:		
Chi phí không liên quan đến thu nhập chịu thuế	78.828.348.140	28.126.157.987
Các khoản chi phí phải trả	34.332.166.465	(9.442.147.377)
Dự phòng các khoản đầu tư	12.435.791.268	-
Chi phí không được khấu trừ khác	3.576.349.994	2.480.436.209
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	344.665.126	(328.368.777)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(256.636.480)	(759.309.384)
Chi phí phân bổ	(2.082.800.000)	(2.082.800.000)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(9.412.340.552)	(10.702.908.291)
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ công ty con	(200.000.000.000)	-
Cổ tức nhận được	<u>(398.305.484.851)</u>	<u>(539.200.063.200)</u>
Thu nhập chịu thuế ước tính	6.137.261.290.090	35.481.995.143
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	1.350.197.483.820	7.806.038.931
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	<u>2.191.682.525</u>	<u>2.065.087.574</u>
Thuế TNDN trong năm	1.352.389.166.345	9.871.126.505
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.721.240.021	7.070.062.869
Thuế TNDN từ sáp nhập kinh doanh	(213.820.608)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(508.510.126.058)</u>	<u>(12.219.949.353)</u>
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>848.386.459.700</u>	<u>4.721.240.021</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí phải trả	22.212.958.582	16.881.177.818	5.331.780.764	(2.077.272.423)
Dự phòng các khoản đầu tư	2.487.158.254	-	2.487.158.254	-
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.760.000.000	(160.000.000)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	796.108.820	2.946.434.623	(2.150.325.803)	(2.354.639.824)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	56.460.026	(56.460.026)	(167.048.064)
Chi phí phân bổ	-	458.216.000	(458.216.000)	(458.216.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(10.057.053)	(86.889.086)	76.832.033	(72.241.131)
TỔNG CỘNG	<u>27.086.168.603</u>	<u>22.015.399.381</u>	<u>5.070.769.222</u>	<u>(5.129.417.442)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND			
			Năm nay	Năm trước		
MKD	Công ty liên kết	Cổ tức	114.909.541.851	619.074.145.184		
		Cho vay	(30.000.000.000)	-		
		Thu hồi khoản cho vay	30.000.000.000	-		
		Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	26.971.199.308	51.235.085.093		
		Bán hàng hóa	17.022.350.057	12.866.133.784		
		Thu nhập từ thanh lý tài sản	5.864.371.305	22.416.787.113		
		Trả lại hàng mua	(3.270.736.663)	-		
		Bán nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	823.203.248	105.141.835.179		
		Mua nguyên vật liệu và bao bì	(60.995.094)	(36.446.147.116)		
		Mua thành phẩm	-	(1.933.525.616.871)		
		Phí quản lý	-	3.200.000.000		
		Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc ("NKD")	Công ty liên kết	Cổ tức	160.000.000.000	80.000.000.000
				Trả nợ vay	(90.000.000.000)	(100.000.000.000)
Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	19.894.279.106			42.579.460.999		
Phí chia sẻ phát triển phần mềm	2.732.197.423			-		
Lãi vay phải trả	(1.786.111.111)			(6.117.222.222)		
Mua thành phẩm	(353.169.485)			(15.288.606.253)		
Bán nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	334.218.284			62.216.639.225		
Vay	-			90.000.000.000		
Bán thành phẩm	-			163.868.936.376		
Phí quản lý	-			4.640.000.000		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
KDF	Công ty con	Bán hàng hóa, công cụ và dụng cụ	452.289.248.762	26.293.527.440
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu Phí gia công	(165.583.676.230) (6.158.610.410)	- -
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu Phí gia công	(76.452.055.446) (2.164.329.253)	- -
Công ty TNHH Đầu tư Kido ("KDI")	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Thu lại khoản cho vay Cho vay ngắn hạn	(60.077.763.508) - -	(39.478.605.036) 286.000.000.000 (286.000.000.000)
KIDO	Công ty con	Cổ tức Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Phí chia sẻ phát triển phần mềm Phí thuê văn phòng Bán hàng hóa Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Phí quản lý	123.395.943.000 13.538.988.213 2.678.210.447 3.818.404.800 614.438.698 (13.577.735.627) -	- 20.488.593.613 - 6.980.783.040 898.758.317 - 3.100.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kido Sài Gòn ("KDS")	Công ty liên quan	Bán hàng hoá	53.989.348	25.784.989.038
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng	2.227.272.727	2.227.272.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>				
KDF	Công ty con	Bán hàng hóa và nguyên vật liệu	185.195.404.473	28.922.860.753
KDS	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	13.237.762.029	13.868.435.725
KIDO	Công ty con	Bán hàng hóa	532.257.522	77.200.288
KDL	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	-	1.475.506.794
MKD	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	-	45.706.820.495
			198.965.424.024	90.050.824.055
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
KIDO	Công ty con	Mua hàng hóa	62.188.896	-
KDI	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	5.000.000.000
			62.188.896	5.000.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
KIDO	Công ty con	Cổ tức	76.670.488.821	-
		Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	13.538.988.213	-
KDS	Công ty liên quan	Chi hộ	16.462.654.547	-
MKD	Công ty liên kết	Thu nhập từ thanh lý tài sản	910.644.505	6.367.907.347
		Chi hộ	460.247.772	-
TAP	Công ty con	Chi hộ	279.387.616	297.866.616
NKD	Công ty liên kết	Chi hộ	550.000	489.297.247
KDI	Công ty liên quan	Chi hộ	-	1.450.000
			108.322.961.474	7.156.521.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	(11.627.814.504)		-
GHC	Công ty liên quan	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	(6.886.916.908)		-
KDS	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(90.721.430)	(224.169.003)	
MKD	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(2.328.399)	(190.176.770.779)	
KIDO	Công ty con	Mua hàng hóa	-	(59.845.021)	
NKD	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	(17.317.659.867)	
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	-	(817.016.512)	
			<u>(18.607.781.241)</u>	<u>(208.595.461.182)</u>	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
TAP	Công ty con	Giữ hộ vốn góp	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	
KIDO	Công ty con	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	(13.577.735.627)		-
KDI	Công ty liên quan	Chi hộ	(3.081.651.684)		-
MKD	Công ty liên kết	Chi hộ	(982.441.368)	(159.876.145.184)	
KDF	Công ty con	Chi hộ	(335.583.200)		-
NKD	Công ty liên kết	Chi hộ	-	(566.609.009)	
			<u>(117.977.411.879)</u>	<u>(260.442.754.193)</u>	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>24.757.400.000</u>	<u>26.616.152.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	30.298.416.120	16.095.066.120
Từ 1 đến 5 năm	64.380.264.480	64.380.264.480
Trên 5 năm	40.259.713.336	55.980.926.696
TỔNG CỘNG	134.938.393.936	136.456.257.296

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết với số tiền 380.895.943.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con.

27. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

a. Chuyển nhượng mảng bánh kẹo

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 79,92% vốn cổ phần tại MKD, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương, cho Cadbury Enterprises Pte., Ltd. ("Cadbury") như đã được cổ đông chấp thuận và thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014. Việc chuyển nhượng này làm giảm quyền sở hữu của Công ty trong MKD từ 99,92% xuống còn 20%. Theo đó, Công ty không còn quyền kiểm soát đối với MKD và ghi nhận khoản đầu tư vào MKD như một khoản đầu tư vào công ty liên kết. Công ty cũng đồng thời mất quyền kiểm soát đối với Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc, một công ty con của MKD.

b. Sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico")

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2015, Vinabico đã được sáp nhập vào Công ty theo hợp đồng sáp nhập ngày 31 tháng 1 năm 2015 và Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 ngày 26 tháng 2 năm 2015. Theo đó, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Vinabico được chuyển giao cho Công ty. Công ty cũng đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Vinabico tương ứng với số tiền 122.541.388.500 VND.

c. Mua lại cổ phiếu quỹ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận và thông qua kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ với mức lên đến 30% tổng lượng cổ phiếu mà Công ty đã phát hành, nhằm làm giảm số lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 7.024.048 cổ phiếu quỹ trị giá 347.657.251.200 VND. Theo đó, Công ty đã mua 20.000.000 cổ phiếu quỹ với tổng trị giá là 1.000.857.239.200 VND theo kế hoạch trên. Công ty cũng đã gửi Báo cáo về kết quả của việc mua lại cổ phiếu quỹ cho UBCKNN.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 29.500.000 cổ phiếu quỹ trị giá 805.169.501.962 VND theo kế hoạch trên. Công ty cũng đã gửi Báo cáo về kết quả của việc mua lại cổ phiếu quỹ cho UBCKNN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

d. Thay đổi tên Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2015 ngày 26 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Kinh Đô thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido nhằm mục đích đạt được kết quả nổi bật từ định hướng chiến lược kinh doanh mới của Công ty.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 22 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi nêu trên.

e. Thành lập công ty con – Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 0313172800 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận thành lập một công ty con – Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty này là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại) VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Các khoản đầu tư ngắn hạn	708.004.526.063	(708.004.526.063)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	4.526.063	4.526.063
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	700.000.000.000	700.000.000.000
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.003.257.263)	8.003.257.263	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(3.257.263)	(3.257.263)
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.033.773.213)	(8.000.000.000)	(11.033.773.213)
Phải thu ngắn hạn khác	541.364.943.169	1.267.427.344	542.632.370.513
Tài sản ngắn hạn khác	1.267.427.344	(1.267.427.344)	-
Trả trước cho người bán	27.469.581.172	(27.469.581.172)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	6.714.873.610	6.714.873.610
Trả trước cho người bán dài hạn	-	20.754.707.562	20.754.707.562
Phải thu dài hạn khác	-	12.706.338.960	12.706.338.960
Tài sản dài hạn khác	12.706.338.960	(12.706.338.960)	-
Phải trả dài hạn khác	13.392.884.652	(13.392.884.652)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	13.392.884.652	13.392.884.652
Quỹ đầu tư và phát triển	25.370.280.515	25.792.635.752	51.162.916.267
Quỹ dự phòng tài chính	25.792.635.752	(25.792.635.752)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	VND Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	53.091.546.534	(17.560.446.386)	35.531.100.148
Chi phí khác	(19.271.212.768)	17.560.446.386	(1.710.766.382)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(286.000.000.000)	(700.000.000.000)	(986.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.284.294.168.077)	700.000.000.000	(1.584.294.168.077)

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	75.090	2.528.834

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

 Trần Minh Nguyệt Người lập	 Nguyễn Thị Oanh Kế toán trưởng	 Trần Lệ Nguyễn Tổng Giám đốc
--	--	--



Ngày 28 tháng 3 năm 2016